

请选出各组的同音字

1. 吠 犬 费 - fèi

6. 喜 夕 嘻 - xī

2. 思 司 诗 - sī

7. 相 箱 想 - xiāng

3. 货 贷 或 - huò

8. 冰 兵 水 - bīng

4. 深 胜 剩 - shèng

9. 牵 钱 千 - qiān

5. 敬 镜 急 - jìng

10. 延 停 庭 - tíng